

MỘT KHOẢNG TRỜI

Chuyện xảy ra đã ngót mười năm, lúc tôi mới hai mươi tuổi, giữ chân trình sát trong một đơn vị súng máy cao xạ 14 ly 5 của tự vệ Hà Nội.

Trận địa hồi đó đặt trên sân thượng một ngôi nhà cao nằm giữa khu phố cũ Hoàn Kiếm — Đồng Xuân. Chắc chắn không một ai trong chúng tôi không cảm thấy yêu mến cái trận địa này, tuy mỗi người yêu một cách khác. Có người thích gọi nó là «vọng gác giữa trời mây». Lại có người làm thơ gọi nó là «hạm tàu», là «hòn đảo nhỏ». Còn tôi, tôi yêu vì một lý do giản dị: nó đơn sơ, gần gũi và gắn bó với tôi như chính cuộc đời. Mảnh sân nhỏ, cũng giống hệt cái sân thượng ngôi nhà tôi ở, với cầu thang hẹp, dốc đứng; những viên gạch loang lổ màu rêu; bức tường thấp nặng nề, tróc lở mà gió mưa, năm tháng chưa xóa hết những hàng chữ, những hình vẽ ngô nghê, nghịch ngợm của lũ trẻ nối tiếp nhau khôn lớn trong cái tổ ấm chật chội này; một cây si thấp bé nhưng đã mang về già nua lụ khụ, chồi lên từ kẽ nứt cạnh ống máng... Bốn phía xung quanh là Hà Nội — «Hà Nội mến yêu» như bài ca mỗi buổi sớm gọi chúng tôi thức dậy cùng với bình minh; là khoảng nước hồ Gươm chợt lóe sáng như trắng bạc trong buổi trưa mùa hạ; là vệt khói xám mảnh mai từ một nhà máy nào đó bay lên giữa trời

chiều mùa thu trong xanh; là sông Hồng, bãi Giữa, những nhịp cầu Long Biên gác guốc, vện vẹo, gan lì trong lửa đạn; là những mái nhà nhấp nhô, trời trụi. đen xỉn màu rêu cũ, vông xuống như quá sức vì gánh nặng thời gian...

Có hơn chục gia đình sống từ lâu trong ngôi nhà trệt. Khi chúng tôi đến, hầu hết các gia đình ấy đã sơ tán về nông thôn. Người duy nhất còn ở lại là một bà già trạc ngoài năm mươi, vóc người nhỏ gầy, lạng lẽ như một cái bóng. Thoạt đầu giữa tôi và bác Phúc — bà già ấy — mối quan hệ không có gì khác hơn sự quen biết bình thường.

Một lần tôi về nhà lên, thấy bác đứng ở cửa, vẻ mặt mỗi, bơ phờ. Bác dè dặt hỏi tôi bằng giọng khàn khàn của một người đang bị ngạt mũi :

— Cháu đã phải trực ngay bây giờ chưa, hả Thao?

— Dạ, chưa ạ, cháu còn được nghỉ buổi sáng nay.

— Vậy thì... cháu làm ơn ra chợ Hàng Bè mua giúp bác nắm lá xông, bác bị cảm từ hôm qua tới giờ.

Mua được lá về, tôi đun nước xông cho bác Phúc. Vẫn chưa đến giờ trực, tôi ngồi nán lại chơi với bác một lúc nữa. Bác đắp chăn nằm trên giường, tôi ngồi cạnh, gỡ cuốn sách ra đọc. Chợt bác hỏi :

— Thao được mấy anh chị em hả cháu?

— Dạ thưa bác, nhà cháu được ba anh em ạ, hai anh trai, cháu là út.

— Thế ông cụ, bà cụ còn mạnh khỏe chứ?

— Dạ... cháu chỉ còn mẹ thôi ạ, thầy cháu hy sinh đã lâu.

Bác Phúc quay sang phía tôi, một bàn tay gầy gò của bác run run nắm lấy cánh tay tôi. Đôi mắt vốn mệt mỏi, thêm lạng của bác đột nhiên linh lợi hẳn lên trong cái nhìn đầy thương cảm.

— Thì ra... mẹ cháu với bác cùng cảnh. — Bác chỉ tay lên tấm ảnh người đàn ông đội mũ chào mào đặt trên bàn thờ, nói tiếp: — Bác giai đấy cháu ạ, ông ấy hy sinh từ năm bốn sáu cơ.

Sau một lúc trò chuyện, tôi biết bác Phúc có hai người con. Chị cả là y sĩ, theo chồng về Hải Phòng. Anh con trai năm đó hai mươi lăm tuổi, đã tốt nghiệp kỹ sư giao thông, đang phục vụ tại một đơn vị công binh xa tít trong Trường Sơn. Trước kia bác Phúc làm cấp dưỡng cho một cơ quan nhà nước, vừa về nghỉ hưu được hơn năm.

Từ buổi đó, tôi hay xuống nhà bác Phúc chơi. Cũng có lúc tôi giúp bác nhặt rau, vo gạo, xách nước..., nhưng thường tôi chỉ ngồi nghe bác kể những kỷ niệm thời con gái.

Một buổi sáng tinh mơ, mọi người hãy còn ngủ, tôi đứng bên ụ súng nhìn mấy ngôi sao cuối cùng mờ nhạt ở chân trời. Chợt nghe tiếng bác Phúc bước trên cầu thang. Bác không bước lên sân thượng, chỉ dừng lại ở đầu cầu thang, hai tay vịn lan can, nhô nửa người lên nhìn tôi:

— Thao ơi, cháu đang trực đấy à? — bác hỏi khẽ, giọng hèn hèn vì mệt.

— Dạ... không ạ.

Vừa nói tôi vừa nhìn vào mắt bác. Qua ánh sáng rạng đông, tôi có thể nhận ra một cái gì là lạ trong đôi mắt ấy.

Thấy bác Phúc cứ đứng im mãi, tôi nói:

— Ta xuống nhà đi, bác. Cháu cũng đánh răng rửa mặt một thôi.

Bác Phúc quay lại, bước xuống rất nhanh. Hình như câu nói của tôi vừa gỡ cho bác một chỗ bí.

Tôi ngồi bật xuống sàn nhà lát gạch hoa mát lạnh, với tay lên đầu giường cầm mảnh áo len bác Phúc đang đan hộ cho ai đó. Bác cũng ngồi xuống nhưng không nói gì, cứ chốc chốc lại đưa mắt nhìn qua cửa sổ.

— Thao ạ... — mãi hồi lâu bác Phúc mới mở đầu bằng hai tiếng ấy. — Bác định bàn với cháu chút việc... Chả là... cái Dung, con gái bác dưới « Phòng » nó vừa gửi thư lên nói rằng chồng nó bị thương, thằng bé con lại đang lên sỏi, hiện giờ ba mẹ con lúng túng lắm... Bác định xuống với mẹ con nhà nó dăm mười hôm.

— Nhưng mà bác đi làm sao được, bom đạn đang ầm ầm thế kia, tàu xe chả có — tôi kêu lên.

— Chuyện ấy thì chẳng lo, cháu ạ. Bác có thằng cháu về bên ngoại lái xe cho Thành ủy Hải Phòng, mới đưa ông thủ trưởng lên họp hôm qua. nó bảo nó sẽ chở bác đến tận nơi mẹ con nhà cái Dung sơ tán.

— Vậy thì bác đi đi bác ạ.

— Nhưng mà... — bác Phúc thở dài. — Nói thật với cháu, bác chỉ lo... ngộ nhớ thằng Đức nó về.

— Anh ấy có viết thư hẹn bác sao?

— Không — bác Phúc lắc đầu. — Đã lâu lắm rồi, có lẽ đến năm rưỡi nay bác chẳng nhận được của nó một câu, một chữ nào. Nhưng mà... biết đâu...

Nói xong câu ấy, bác nhìn tôi với ánh mắt chờ đợi như muốn tìm một sự đồng tình.

Tôi chột hiệu. Thì ra lâu nay bác Phúc cứ chần chừ không chịu đi sơ tán là vì thế. Bác lại nhìn tôi. Một lần nữa, tôi đọc được trong mắt bác vẻ ngần ngại, lúng túng.

— Này, Thao này, — bác ngồi dịch lại gần tôi hơn, một bàn tay đặt lên vai tôi, nói khẽ — cháu chịu khó giúp

bác nhé... Cháu cho bác gửi nhà với lại... một ít tiền. Nếu thằng Đức nó về, cháu làm ơn ra bưu điện Bờ Hồ đánh cho bác cái điện khản.

Trong thâm tâm tôi không tin việc ấy có thể xảy ra. Chiến tranh đang đến mức quyết liệt nhất, kẻ thù đã phong tỏa bờ biển và đang dồn sức bịt chặt các nẻo đường ra trận của ta. Anh Đức là kỹ sư công binh, làm sao có thể rời trận địa lúc này được. Tuy vậy, để làm yên lòng người mẹ đang mong nhớ con đến mức có thể tưởng tượng ra mọi điều kỳ lạ, tôi hứa với bác Phúc, nếu anh Đức về, tôi sẽ đánh điện khản cho bác ngay. Và, trong khi bác chưa về kịp, tôi sẽ làm mọi việc để săn sóc anh.

Vẻ lo lắng trên mặt bác Phúc dịu dần theo từng lời nói của tôi. Khi câu nói chấm dứt, tôi thấy bác thở ra một hơi dài, như thể vừa cất khối lồng ngực tảng đá nặng.

— Vậy thì bác mới yên tâm mà đi được cháu ạ — bác mỉm cười, nhìn tôi bằng ánh mắt triu mến lạ thường.— Chẳng biết trời xui đất khiến thế nào mà bác lại gặp được cháu... Vậy, cháu giúp bác nhé. Địa chỉ cái Dung thế này cháu ạ..., cháu ghi rõ đầy đủ vào, không ngại tốn tiền, mà nhớ là phải đánh điện khản đấy... Gạo, mì bác mua sẵn đó rồi, nước mắm, xì dầu, muối, mỡ, đường, mì chính, hãy còn cả. À, lại còn mấy bọ gạo nếp và ít đỗ xanh bác để trong cái hộp sắt ấy, dành mãi từ cái dạo tết giết sáu bọ cơ đấy. Thằng ấy nó ưa của nếp lắm... Cháu đưa cho nó mấy hào bạc, bảo nó ra hiệu nhà ông Tâm đầu phố cát tóc đi; trong rừng trong rú ra, tóc lại chải tốt ngấp mang tai ấy à...

Càng nói vẻ mặt bác Phúc càng rạng ra, tưởng chừng như bác đã nhìn thấy người con trai đang đi trên đường phố, và chỉ một hai phút nữa thôi, anh sẽ đầy tung cánh cửa, bước vào...

★
★★

Mãi đến bảy giờ, mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn thấy mình ngỡ ngác, tưởng đâu những gì đã xảy ra trong buổi trưa hôm đó chỉ là một giấc mơ. Thật khó mà hình dung được rằng trên cõi đời này lại có thể có chuyện tình cờ trở trêu đến như vậy.

Cả ngày hôm đó được nghỉ trực, nhưng tôi không về nhà. Mẹ tôi và các cháu đã đi sơ tán, có về cũng lại chỉ thui thủi một mình. Tôi tắm giặt, gội đầu, hong tóc rồi ngã lưng xuống giường bác Phúc định ngủ một giấc thật đẫy, bù cho đêm trước bị máy bay Mỹ quấy rầy suốt từ đầu hôm đến sáng. Nhưng không hiểu sao, tôi nằm mãi mà hai mắt vẫn mở chong chong. Chỉ một mình tôi, căn buồng như rộng ra, trống trải và lạnh lẽo. Máy bay Mỹ không vào. Trong bầu không khí tĩnh lặng một cách khác thường của những khoảnh khắc ban trưa ngán ngủ, mọi vật hiện lên với hết thấy cái riêng biệt vốn có của nó. Một cây cau gãy mảnh, xơ xác và trơ trọi như được vẽ bằng những nét mực tàu lên cái nền xanh thẫm thẫm của sắc trời mùa thu. Con ong vàng, vàng tươi như một cánh hoa cúc, bay tha thẩn tìm nơi trú đông trên cửa sổ, đôi cánh mỏng tang khua dậy những âm thanh mơ hồ nhưng sâu lắng, nghe như tiếng gọi tha thiết của thời gian. Trên cái bàn thờ đơn sơ có những nén hương tàn và mấy cánh hoa héo quắt lại, đôi mắt bác Phúc trai trong tấm ảnh đã ố vàng đang nhìn tôi — cái nhìn thăm thẳm xuyên suốt không gian, thời gian, lay động trong tôi những suy tư về lẽ sống và cuộc đời..

Giữa lúc đó hình như có tiếng gõ cửa. « Ai đấy? » — tôi hỏi, nhưng tự mình cũng chưa hoàn toàn tin vào thính giác của mình. Im lặng.. Có thể tôi đã nghe nhầm chăng? Dầu nghĩ thế, tôi vẫn ngồi dậy mặc áo ngoài, vén lại đầu tóc đang xõa tung và đi ra mở cửa.

— Oi! — tôi kêu lên vì kinh ngạc.

Trước mắt tôi là một anh bộ đội trẻ, lưng đeo ba-lô, chiếc mũ cối lấm lem ôm trước bụng, vẻ mặt ngo ngác, hết nhìn tôi lại nhìn lên tấm biển ghi số nhà. Chắc anh đang nghĩ rằng có thể mình đi lạc, vào nhầm nhà. Tuy gương ^{ng}ngung, tôi vẫn nhận ra một đôi nét quen thuộc trên mặt anh bộ đội. « Đức? » — một ý nghĩ lóe lên như que diêm xòe lửa trong bóng tối, và lập tức tôi cảm thấy đầu óc mình nóng bừng trong cơn bối rối đến cùng cực. Trong những giây phút đầu tiên đó, hai chúng tôi đã chào nhau, tự giới thiệu mình như thế nào, chính tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ nhớ rằng khi tôi nói bác Phúc vừa đi Hải Phòng từ hai hôm trước, mặt Đức đang đỏ bừng lên vì gương chợt tái đi, đôi mắt sững sờ, đây vẻ thất vọng. Tôi bảo anh rằng tôi sẽ ra nhà bưu điện Bờ Hồ đánh điện khẩn ngay, chắc chắn mẹ anh sẽ trở về vào ngày kia hoặc chậm lắm là ngày kia. Đức lắc đầu và mỉm cười — nụ cười gương gạo làm vẻ mặt anh càng trở nên u ám hơn.

— Thôi chị ạ, không kịp đâu, năm giờ sáng ngày mai tôi đã phải đi rồi.

— Chỉ thế thôi ư! — Tôi sững sốt, bàng hoàng.

Một lần nữa Đức gương cười :

— Tôi đi với đồng chí sư đoàn trưởng ra họp khẩn cấp ở Bộ, tư lệnh công binh. Xong phần việc của tôi, đồng chí ấy cho phép tạt qua nhà... Trong hoàn cảnh hiện nay, thế cũng là nhiều lắm rồi chị ạ...

Có thể Đức nói câu sau cùng với ý định tự an ủi và động viên mình. Còn tôi, nó chỉ làm nặng nề thêm cái cảm giác về sự bất lực của mình trước một tình thế éo le, không tìm được lối thoát.

Không biết bao nhiêu giây phút đã trôi qua, cho đến lúc tôi nhận ra rằng Đức vẫn còn đứng, ba-lô ngoác một bên vai, tôi bảo anh :

— Ấy chết..., anh Đức ngồi xuống nghỉ đi, để em lấy nước cho anh uống.

Tôi đỡ ba-lô trong tay anh, đặt lên chiếc ghế đầu ở góc nhà rồi tong tả cầm chiếc ca xuống cầu thang, đi thẳng sang cửa hàng giải khát bên kia đường.

Khi tôi trở về, Đức vẫn ngồi yên như cũ: đầu cúi thấp xuống, một bàn tay đặt hờ trên đầu gối, tay kia vầy vò mái tóc bù xù một cách lơ đãng. Anh ngẩng lên nhìn tôi, cặp mắt vẫn chưa hoàn toàn hết vẻ đờ đẫn, nhưng hình như đỉnh cao xúc động đã qua rồi.

— Chị... đến trực chiến ở đây đã lâu chưa ạ?

Đức hỏi tôi, hai má lại đỏ rựng.

— Cũng lâu lâu rồi anh ạ, từ dạo cuối tháng tư.

Vừa nói, tôi vừa đưa ca nước chanh đá cho Đức. Anh đỡ lấy bằng cả hai bàn tay nhưng không quên nói câu «tôi xin chị», chắc được mẹ anh dạy từ tấm bé.

— Thế trận địa này đã bắn rơi được mấy chiếc máy bay rồi hả chị? — Đức hỏi.

Tôi bật cười. Câu hỏi có một cái gì hơi ngộ ngộ nhưng nghe lại rất thật, không một chút màu mè, đưa đây.

— Thì đã nổ súng lần nào đâu mà bắn rơi ạ.

— Sao vậy chị? — Đôi mắt Đức mở to, đầy vẻ ngạc nhiên.

— Nó không vào đúng hướng anh ạ.

Đức ngồi một lúc rồi đi về phía chạn lấy chiếc cốc pha lê, xẻ đôi ca nước chanh, đưa một nửa mời tôi.

— Chị thấy... từ đó tới nay mẹ tôi có yếu một gì không?

— Không đâu anh ạ — tôi lắc đầu. — À có một lần, nhưng chỉ một xoàng thôi. Lần đó bác bị cảm, em ra chợ Hàng Bè mua mấy hào lá về cho bác xông, hôm sau là khỏi ngay.

— Cũng may mà có chị và các anh, các chị ở đây...

Đức vừa nói vừa bẻ ngón tay răng rắc. Ngay sau đó anh đứng dậy, bước chậm rãi về phía cửa sổ, đưa mắt nhìn ra ngoài. Có lẽ một đợt sóng xúc động mới lại đang trào dậy trong lòng anh. Từ chỗ ngồi ở góc buồng nhìn về phía anh có thể thấy một phía khuôn mặt anh tạc lên khoảng sáng của khung cửa sổ và sắc trời, hết bức ảnh chụp nghiêng. Một khuôn mặt không hẳn là đẹp nhưng mọi chi tiết đều vừa phải, cân xứng, toát lên vẻ thanh nhã và cao quý. Nói chung thì nét mặt Đức với nét mặt bố anh giống nhau, có khác chăng là cái nhìn của anh dịu và rụt rè hơn — cái nhìn của mẹ.

Tiếng loa báo máy bay Mỹ đi xa. Một chuỗi cười dài giòn tan, trong suốt như pha lê từ trần địa trần xuống. Bóng rợp ngôi nhà cao đã trùm che gần nửa mái nhà bên cạnh. Chiều rồi... Đức vẫn đứng im lìm bên cửa sổ. Cứ mỗi giây phút trôi qua tôi lại cảm thấy cái im ắng, bất động trong căn buồng đè nặng xuống tâm hồn tôi thêm một chút. Kể từ ngày có ý thức rõ rệt về giới tính, đây là lần thứ nhất tôi ngồi riêng trong căn buồng với một người con trai — người con trai không hẳn là xa lạ nhưng lại mới gặp lần đầu. Một mặt tôi cảm thấy như mình thừa thãi, vô ích trong lúc này, muốn chạy ra ngoài để tự giải thoát khỏi gò bó, ngưng đọng. Nhưng mặt khác chính lý trí và tình cảm của tôi lại đang hạ lệnh cho tôi phải ngồi nguyên tại chỗ, không được phép để Đức cảm thấy cô độc, phải bù đắp vào chỗ thiếu thốn của Đức do việc mẹ anh không có mặt ở nhà. Khốn nỗi, tôi, một cô gái mới hai mươi tuổi, tôi làm sao có đủ hiểu biết và kinh nghiệm để làm việc đó. Mà liệu Đức có cần đến tôi không? Trước mặt tôi, cốc nước chanh đã tan hết đá, thỉnh thoảng một hạt bọt khí nhỏ xíu từ đáy cốc chồi lên và tan biến đi rất nhanh... Tôi thầm mong một cái gì

đó xảy ra ngay lập tức để phá tan bầu không khí quá yên lặng này: anh Minh, chỉ huy, từ trận địa xuống; một người khách vợ vắn nào đó đến gõ cửa, hoặc một hồi còi báo động... Chợt Đức quay lại:

— Chị Thao ơi, có lần nào chị thấy mẹ tôi ho không?

— Thỉnh thoảng thôi anh ạ, em vẫn thường xuống đây ngủ với bác mà.

Giọng Đức chợt trầm xuống:

— Hồi tôi còn đi học, cứ đến mùa rét là mẹ tôi ho ghê lấn chị Thao ạ... Có người mách là bệnh ấy phải rượu tắc-kê mới chữa khỏi. Năm vừa rồi tôi bắt được trong hang đá hai con tắc-kê, lại xin được cậu bạn bên quân y ít rượu để ngâm. Mấy lần B 52 nó chụp vào doanh trại, may mà vẫn còn.

Đức mở chiếc ba-lô con cóc lấm lem đất bụi và dầu máy, lấy ra một cái chai còn bọc kín trong nhiều lớp giấy dày. Sau đó anh lại rút ra một cái gói chằng buộc cẩn thận, lật đi lật lại trong bàn tay như có điều gì làm anh băn khoăn.

— Chị Thao này, — Đức bước lại gần tôi, mặt đầy vẻ ngưng ngưng — cái này có may áo bông cho bà cụ được không?

Đức mở gói, đặt vào tay tôi một mảnh vải đen, mặt láng mịn. Tôi nhận ra thứ lụa dệt bằng sợi tổng hợp, một mat hàng Nhật Bản đã hết từ lâu trên thị trường Hà Nội.

— Được anh ạ, thứ lụa này đẹp mà bền màu lắm. Anh để đó rồi về em đưa lại cho bác.

— Không, tôi... — Đức ngập ngừng — Nếu chị không bận lán thì tôi... gửi vải và tiền, nhờ chị may hộ rồi đưa lại cho mẹ tôi. Chị mà đưa vải thì rồi bà cụ sẽ để dành không biết đến bao giờ. Mùa đông sắp đến rồi mà chị xem, mẹ tôi có áo len, áo bông gì đâu. — Đức quay đi, nói chậm

rãi, nghe như anh đang nói một mình : — Tôi nhớ... đã lâu lắm rồi, từ ngày tôi còn học lớp một, lớp hai cơ, mẹ tôi có một cái áo bông nhưng đã rách sờn hết lớp vải bọc, chỉ còn lại cốt bông với các đường chần... Từ ngày cái áo bông ấy nát bấy đi, không mặc được nữa là thôi..

— Thế thì ta đi ngay bây giờ, anh Đức ạ.

Tôi đứng dậy, hai bàn tay lập cập xếp mảnh vải bỏ vào túi xách, vội vã bước ra khỏi căn buồng. Có một cái gì đó hết sức thật trong những câu nói cuối cùng của Đức làm tôi xúc động đến nghẹn ngào. Cứ ngồi đó và nghe anh nói thêm vài câu nữa về mẹ, không khéo tôi sẽ khóc òa lên mất.

*
**

Đứng một mình bên cửa sổ, tôi nhìn những khoảnh khắc cuối cùng của một ngày đang lặng lẽ đi qua. Mặt trời đã khuất nhưng hồi quang lộng lẫy vẫn còn đỏ rực một nửa bầu trời và nhuộm hồng phơn phớt những đám mây nhỏ trôi lang thang. Một con chim sẻ đáp xuống mái nhà bên cạnh, giương con mắt tròn bé xiu như giọt nước sáng long lanh, nhìn tôi thoáng vẻ ngạc nhiên rồi bay vút đi, mất hút vào khoảng không gian phía trước đã bắt đầu pha lẫn chút sương chiều tím nhạt...

Cảnh chiều êm dịu, nhưng chẳng dịu được lòng tôi đang mỗi lúc một thêm bồn chồn.

Sáng hôm qua, sau khi tiễn bác Phúc đi Hải Phòng, tôi thoáng nghĩ đến việc Đức có thể về. Dĩ nhiên cũng chỉ là giả định. Và lúc đó tôi đã chặc lưỡi bảo mình: «Thì mình sẽ thay bác Phúc chăm sóc anh ấy chứ sao!» Giờ đây tôi mới hiểu, việc đời khi xảy ra không bao giờ chỉ là những đường nét sơ sài như vậy, nó rắc rối, búng nhùng, thậm chí có cái ở ngay trong ta mà chính ta cũng

không nắm bắt được. Trừ khi có một ông tiên hay bà tiên
đấy phép lạ biến tôi thành bác Phúc, còn không thì dù tôi có
tận tình, chu đáo đến gấp năm, gấp mười đi nữa, tôi cũng
không thay nổi bác với tư cách là một người me." Điều đó
làm tôi day dứt. Nhưng, phải chăng ở trong tôi chỉ có thứ
tình thương ấy? Không! Hình như còn có một cái gì
khác nữa. Tôi biết. Dù muốn dù không thì cuộc gặp gỡ
này cũng sẽ khứa sâu vào ký ức tôi một vết hằn mãi mãi
không phai mờ, và người con trai bác Phúc sẽ không đi
qua đời tôi nhẹ nhàng như người bạn đường trên cùng một
chuyến tàu. Giá mà Đức là một con người lỗi lạc đi, để
có thể tạo ra giữa tôi và anh một khoảng cách nào đó, để
rời từ bên kia khoảng cách tôi sẽ chăm nom, săn sóc anh
vớ ý thức hoàn toàn về nghĩa vụ. Khốn nỗi, Đức lại
không phải là một con người như thế. Trong anh có cái
lịch lãm của học thức, sự giản dị bắt nguồn từ cuộc sống
gia đình, và cái trong sáng, hồn hậu của một chàng trai
tự trải qua lửa đạn mà chưa hề lấm láp bụi đời. Anh
hiện ra trước mặt tôi, bình thường, gần gũi như một
người thân thuộc từ lâu, từng tiếng nói ngập ngừng, từng
án mắt rụt rè, ngờ ngác đều có thể làm trái tim tôi đập
mạnh trong nỗi rung cảm lạ lùng chưa từng thấy bao giờ.
Xin đừng ai nghĩ đó là tình yêu! Chẳng lẽ tôi lại có thể
yêu một cách dễ dàng, chóng vánh đến như vậy ư!
Nhưng còn cái tình cảm rung động mới mẻ, lạ lùng mà
tôi vừa nói đó là gì? Nào ai mà biết được!

Có tiếng chân người bước vội lên cầu thang. Hình như
Đức về.

— Chị Thao ơi! — Đức gọi khẽ.

Trong giọng nói của anh, tôi nghe lẫn cả nhịp thở gấp
và vẻ hồn nhiên như niềm vui của đứa trẻ. Anh bỏ chiếc
mũ cối trên đầu xuống, chắc muốn giới thiệu với tôi mái
tóc mới cắt ngắn, mắt nhìn tôi, mỉm cười ngượng ngịu.

— Ở tiệm ông Tâm chứ? — Tôi hỏi.

Vàng — Đức gât đầu. — Mà bác ấy còn nhớ tôi, chị Thao ạ. Bác ấy cũng có anh con trai ở chiến trường đấy.

Đặt chiếc bị coi căng phồng xuống cạnh chân giường, Đức hỏi tôi:

— Chị Thao có biết cái gì đây không?

Tôi nhìn anh, lắc đầu.

— Quà cho các bạn gái ở Trường Sơn đấy, chỉ có bỏ kết và lược bí thôi. Ở đây không ai thèm đề ý đến những thứ ấy, chứ trong Trường Sơn thì gọi là... quý như vàng. À — Đức nhìn tôi cười hóm hỉnh — lại còn món này nữa.

Anh cúi xuống lục trong bị, lấy ra một chiếc túi nhựa giơ lên ngang mặt.

— Đố chị Thao...

Tôi nhìn thấy qua làn nhựa trong suốt những viên gi tròn, trắng, như quả vải thiều đã bóc vỏ.

— Bánh trôi đấy mà — Đức nói.

— Anh Đức mua à? — tôi trở mắt nhìn anh.

— Không — Đức lắc đầu, vẫn tùm tùm cười. — Chị Thao có biết thế nào không? Tôi mang thư cậu An lên cho gia đình cậu ấy ở phố Đội Cấn; ông cụ, bà cụ bung ra cả một mâm bánh trôi, bánh chay bắt ăn cho bằng được. Chả là nhà ấy bán hàng quà mà. Từ chối mãi không xong, tôi đành bảo: «Vậy thì hai bác cho cháu xin một ít, ở nhà cháu còn có người bạn». Thế là bà cụ chạy ngay xuống bếp lấy túi và trút vào đây... đúng sáu đĩa bánh trôi.

— Tham thế!

— Vậy mà còn bị chê là khách khí cơ đấy.

Những câu đùa và niềm vui trên mặt Đức xua đi phần nào cái không khí e dè, thiếu tự nhiên còn lẫn quất trong căn buồng. Chúng tôi ngồi vào mâm cơm, tự nhiên, thân mật với nhau hơn. Sau bữa cơm, còn ngồi nói chuyện với

nhau thêm một lúc. Nhưng khốn nỗi, cả tôi và Đức đều không thuộc loại người có «khoa nói». Đến một lúc, tôi cảm thấy hăng đi, không còn gì để nói với nhau nữa. Đức đến cạnh bàn thờ thắp một nén hương rồi ra đứng bên cửa sổ, trong lúc tôi loay hoay xếp bát đĩa từ rổ vào chạn... Những con sóng bồn chồn lại trôi dạt trong tôi cùng với cái im lặng cứ kéo dài ra... Làm gì nữa đây? — tôi tự hỏi. Đã đành là tôi không nở để mặc Đức thui thủi một mình trong căn buồng trống vắng này. Nhưng chẳng lẽ hai đứa cứ chong đèn ngồi im lặng thế này cho hết đêm?

Bỗng tôi thấy Đức quay lại và bước đến gần tôi.

— Chị Thao ạ — anh ngừng bật đi một lúc — tôi... tôi đi nhé.

— Anh đi đâu? — tôi hỏi.

Có lẽ vẻ hốt hoảng vừa hiện ra trên mặt tôi làm Đức bối rối.

— Tôi định đi lên Chèm thăm gia đình một anh bạn cùng đơn vị... Anh ấy vừa bị thương, hôm ra đi vội quá, tôi không ghé vào viện quân y thăm được. Tôi muốn đến chơi nói chuyện cho gia đình anh ấy yên tâm. Từ đây lên Chèm hai mươi cây số cả đi lẫn về, cũng vừa hết đêm nay.

Tôi cắn chặt môi, quay đi cố giấu xúc động. Sau đó, với một sự quả quyết mà chính mình cũng không ngờ, tôi ngoảnh lại nhìn thẳng vào Đức.

— Em và anh cùng đi — tôi nói như ra lệnh.

Hai nét lông mày cong cong hình cánh cung của Đức hơi nhướn lên. Có thể anh ngạc nhiên. Tiếp đó, trên mặt anh, những nét đăm chiêu vụt biến đi, chỉ còn lại vẻ mừng rỡ không giấu nổi trong đôi mắt dịu dàng pha lẫn chút ngây thơ như mắt trẻ con.

Khi tôi ngồi lên phía sau, chiếc xe đạp hơi chệch choạng, nhưng lập tức nó lấy lại được thăng bằng, thông thả lăn đi trên đường phố hẹp. Các hiệu ăn, tiệm giải khát vẫn sáng rực ánh đèn, nhộn nhịp người ra vào. Không khí sực nức mùi thơm quyến rũ của các món ăn, tưởng chừng như các hồi còi báo động và tiếng bom rền không mấy may đụng chạm đến cuộc sống bình thường nơi khu phố cũ này. Tuy vậy, cũng chẳng cần phải đi xa, chỉ cần đến Cột Đồng Hồ cách đó vài trăm mét, ta đã có thể bắt gặp bộ mặt nghiêm trang sắc lạnh của chiến tranh. Những đoàn xe trùm kín lá ngụy trang chạy hối hả, nối dài mãi như không bao giờ dứt. Những khẩu pháo cao xạ dài ngoẵng, những giàn radar cao lớn kèn càng, một dãy xe bọc thép gắn súng máy bốn nòng cỡ 14 ly 5 đổ nép bên lề đường đợi đến lượt qua cầu phao. Các anh lính trẻ mặt tối sẫm dưới vành mũ sắt ngồi túm tụm đốt thuốc lá hoặc đi đi lại lại với vẻ bồn chồn. Bên xe Long Biên trống trải, mấy chiếc xe hỏng đứng im lìm trong ánh đèn lờ mờ. Không còn thấy cảnh từng toán trẻ con đùa vui hay chạy đuổi nhau trên hè phố. Chốc chốc, một đôi trai gái đạp xe đi ngược lại chúng tôi. Ngôi sao vuông trên mũ, khẩu súng trường khoác chéo vai hay đặt ngang trước tay lái xe đạp, và vẻ mặt tươi trẻ, đầy tự tin của họ như làm cho thành phố đẹp lên trong một vẻ đẹp khỏe khoắn, hào hùng. Qua khỏi ô Yên Phụ, con đường chìm ngấm trong bóng đêm. Cùng lúc ấy, cả một nửa bầu trời phía bắc chỉ chít những vì sao mở rộng trước mắt hai chúng tôi...

— Chị Thao ơi, sao tên chị lại là Thao nhỉ — Đức hỏi đột ngột.

Tôi nhận ra lúc ấy xe đang lăn bánh trên một quãng đê cao, bên trái là làng Phú Xá và bên phải là sông Hồng, một dải nước tối thẫm giữa hai vệt cát trắng lờ mờ trong bóng đêm.

-- Tên Thao là thầy em đặt, vì em sinh ở một làng bên bờ con sông Thao.

-- Làng nào vậy ?

-- Làng Hiền Quan, chắc là anh Đức chưa nghe nói đến bao giờ.

-- Chưa.

-- Làng ấy đẹp lắm anh Đức ạ.

Eên kia sông có một đoàn xe mãi miết chạy về phía nam, ánh đèn pha hát lên bầu trời đêm lẫm bụi những vệt sáng dài đùng đục. Rất xa, chắc là ở phía sau dãy Tara Đảo, chân trời chợt hứng lên những quãng sáng thoát chốc mờ nhạt, run rẩy, và sau đó nghe vọng về tiếng nổ khê âm âm, hết như có chân ai nện mạnh dưới hầm sâu. Chắc máy bay Mỹ đang giội bom xuống một nơi nào đó... Một tiếng cười khê bỗng bật lên.

-- Gì thế anh? — tôi hỏi Đức.

-- Tôi đang nghĩ... nếu như mẹ tôi cũng lấy nơi sinh để đặt tên cho tôi thì...

Tôi nhớ một lần bác Phúc kể rằng trên đường chạy giặc, bác trở dạ và sinh Đức ở một ngã ba đường nào đó trong Thanh Hóa. Tôi không nhịn được cười :

-- Thì tên anh là... Lê Ngã Ba phải không ?

Cả hai đứa cùng cười phá lên. Một lúc sau Đức hỏi tôi :

-- Ai kể với chị Thao vậy ?

-- Thì bác chứ còn ai nữa.

-- Chắc bà cụ kể nhiều chuyện về tôi lắm phải không ?

-- Nhiều lắm.

-- Có chuyện đá bóng vào thùng nước phở nhà ông Lai Thanh không ?

-- Thì đã bảo là không thiếu chuyện gì mà lại.

-- Ôi, thế thì xấu hổ quá đi mất thôi !

Chợt xe dừng lại. Phía bên trái là một cái cổng tối om, sâu hun hút.

— Chèm đây rồi — tiếng Đức nói.

— Nhà anh ấy ở chỗ nào?

— Không biết, chỉ thấy anh ấy bảo là làng Chèm. Thôi được, ta cứ vào, sẽ hỏi sau.

Qua khỏi cổng, đường làng tối om, nhìn hai bên chỉ thấy lờ mờ các bức tường cao và những vòm cây đen kịt lù lù như những chiếc thúng không lồ treo lơ lửng. Thấy sau một cánh cổng thấp thoáng ánh đèn, Đức bước lại gần :

— Dạ thưa bác... cho cháu hỏi thăm nhà anh Hậu ạ.

Tiếng chân người bước lại gần, ngọn đèn dầu vàng lợt được giơ cao lên và một khuôn mặt già nua hiện ra sau các thanh gỗ.

— Anh Hậu nào? — ông lão hỏi.

— Anh Hậu người làng Chèm hiện đang ở bộ đội với cháu trong Trường Sơn ấy ạ.

— Nhưng con nhà ai, ở ngõ nào mới được chứ?

— Dạ cháu không biết ạ... chỉ thấy anh ấy nói như vậy thôi. À mà... vợ anh ấy là chị Tuất ạ.

Ông lão đứng im, chốc chốc lại lầm bầm: «Hậu... vợ là Tuất...» Chợt ông quay về phía sau hỏi rõ to:

— Thành, mày có biết anh Hậu bộ đội là con nhà ai không?

Tiếng của một cậu bé láu lĩnh :

— Làng này có hai anh Hậu đi bộ đội, một anh mũi to và đỏ, một...

Đức vỗ ngay lấy như sợ cậu bé thôi không nói nữa :

— Đúng, đúng, anh Hậu «cà chua» mà.

— Vậy thì con ông Tân ở ngõ Chùa.

-- Tân nào?

-- Tân Cập ấy.

-- À, vậy là ông Cập, anh đi trở lại cái ngõ không có cổng ấy, gọi là ngõ Chùa. Mà tôi bảo, đến đầu ngõ gặp cái quán bà lão bán hàng nước thì gửi xe đạp lại đấy rồi hỏi người ta mà đi, lối ấy vòng vèo lắm đấy!

Đức cảm ơn ông lão và chú bé. Hai đứa dắt xe đạp đi trở lại ngõ Chùa. Lối vào nhà anh Hậu đâu phải chỉ vòng vèo như ông lão nói, nó vừa hẹp vừa mấp mô, tối như trong một quăng đường ống. Mái nhà và các hàng cây hai bên đã chặn hết chut ánh sáng mờ nhạt của các vì sao. Mặt đường hình như ngày trước lát gạch nghiêng, bây giờ các hàng gạch nứt gãy, sụt lở, tạo thành các hố trũng, các gờ sống trâu chạy ngang chạy dọc, đặt chân vào chỗ nào cũng thấy hẫng, thấy vương. Đức đi trước, tôi theo sau, chân dò dẫm, tay quờ quạng như bơi trong biển đêm.

— Hình như có cái rãnh.

— Đâu anh?

— Đây cơ mà...

Tôi đưa một bàn tay về phía trước. Trong bóng đêm dày đặc đến như vậy, không hiểu sao hai bàn tay chúng tôi cùng có thể tìm được nhau.

— Bước rõ cao và dài vào...

Tôi cử động theo Đức như một cái máy. Qua khỏi rãnh, tôi không có ý định rút tay lại mà Đức thì cũng không thả tay tôi. Hai đứa đi bên nhau, gần nhau đến nỗi có đôi lúc tôi nghe rõ cả nhịp thở bồi hồi, của những làn hơi bị dằn nén đang thoát ra một cách khó nhọc từ lồng ngực trai trẻ của anh.

Nhà anh Hậu nằm ở cuối con đường, sau hàng giậu ô rô và vườn chuối tối đen. Hai cánh cổng bằng tre đã cài kỹ nhưng trong nhà còn le lói ánh đèn.

— Gọi nhé — Đức nói khê, nghe thì thảo.

— Vâng — tiếng nói tội cũng bật đi như không thoát được ra khỏi cổ họng khô khốc.

— Bác Cập ơi! — Đức vừa gọi to vừa gõ dốt ngón tay vào ống tre khô. Chừng nửa phút sau mới có tiếng hỏi «Ai gọi đấy» và tiếng cánh cửa gỗ bị xô mạnh. Một người đàn bà đi ra, vừa đi vừa nhướn mắt nhìn về phía cổng. Trong làn ánh sáng xanh nhạt, lò mờ của ngọn đèn chai, tôi nhận ra khuôn mặt còn rất trẻ với mái tóc dài buông xòa sau lưng.

— Chị Tuất ơi — Đức gọi.

— Ai gọi tôi đấy? — tiếng hỏi nghe đầy vẻ ngạc nhiên.

— Tôi... tôi ở chỗ anh Hậu về đây mà.

— Ôi, thầy ơi!...

Tiếng kêu thảng thốt nghe như bỗng vỡ ra rồi tắc nghẽn nửa chừng. Người đàn bà đứng sững lại. Tôi có cảm tưởng như chỉ một tích tắc nữa thôi, chị sẽ ngã sấp xuống vì quá xúc động. Đến lúc đó tôi mới hiểu vì sao hồi nãy Đức lại có thể nảy ra ý định dành trọn đêm nay để đi bộ từ Hà Nội đến đây rồi lại từ đây đi bộ về Hà Nội.

*
**

Sau trận thắng lớn mười hai ngày đêm trên bầu trời Hà Nội, tôi được cử ra nước ngoài học tập. Từ châu Âu xa xôi, tôi nhiều lần viết thư cho Đức, cho bác Phúc theo địa chỉ cũ. Tôi còn viết cả cho chị Dung ở bệnh viện Việt — Tiệp Hải Phòng. Tuyệt nhiên không một lá thư nào được trả lời.

Mãi đến mùa thu năm 1976 tôi mới học xong, trở về nước. Khi con tàu liên vận quốc tế băng qua cầu Long Biên, mặt dầu trời tối, tôi vẫn cố nhìn về phía ngôi nhà trận địa năm xưa. Không thấy gì ngoài cái sân thượng

trông nhỏ bé và lơ lửng nhỏ lên giữa một vùng sáng vàng đục. Sáng hôm sau tôi dậy sớm, chải tóc, mặc lại bộ áo quần đã chiến rồi đạp xe đến đây. Lòng hồi hộp, tôi cố bước thong thả trên những bậc cầu thang mòn nhẵn và sứt lở đã có một thời quen thuộc bàn chân mình. Hai cánh cửa màu xanh thân yêu kia rồi!... Lòng ngực tôi tức tưởi, cổ họng như nghẹn thở. Tay tôi gõ rất khẽ mà không hiểu sao những tiếng cộc cộc lại vang to đến mức làm tôi giật mình. Và sau đó là một khoảng im lặng dài đến khủng khiếp. Cánh cửa hé mở, không phải Đức, không phải bác Phúc, một khuôn mặt đàn ông hoàn toàn xa lạ hiện ra trước mắt tôi.

— Dạ thưa bác... cháu muốn hỏi thăm bác Phúc ạ.

— Bác ấy không ở đây nữa cô ạ. Bà cụ xuống Hải Phòng với con gái và sau đó nghe nói đã chuyển vào Nam.

— Thế... bác có nghe nói gì về anh Đức con gái bà cụ không ạ? .

Người đàn ông không trả lời ngay mà nhìn tôi như có gì ái ngại. Qua ánh mắt ấy, tôi cảm thấy có chuyện không lành, song vẫn cố đợi để nghe ông ta nói.

— Vậy ra... cô chưa biết sao, chú Đức... chú ấy hy sinh đã lâu rồi!

Tôi loạng choạng bước lên cầu thang, lên sân thượng. Gục mặt vào bức tường, đứng đó rất lâu. Khi ngẩng lên chợt bất gặp qua làn nước mắt một khoảng trời rất xanh. Tôi biết, vẫn chỉ là khoảng trời thân thuộc năm xưa, nhưng không hiểu sao giờ đây nó lại xanh đến thế, sắc xanh man mác, tưởng chừng như trong đó có một linh hồn bất diệt đang nhìn tôi.

Cuộc đời tôi từ đó lặng lẽ trôi đi. Vài năm sau tôi lấy chồng, một người chồng xứng đáng, hết mực yêu vợ. Tôi sinh con, một đứa con trai bụ bẫm, xinh xắn và rất ngoan.